

Số: 880/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 933/2023/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Châu Thị L**, sinh năm 1995. Địa chỉ: **Thôn A, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Xuân H**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **Thôn A, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Châu Thị L** và anh **Trần Xuân H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị **Châu Thị L** và anh **Trần Xuân H** có 01 con chung tên là **Trần Xuân H1**, sinh ngày 26/7/2020. Hiện nay, cháu **H1** đang sống cùng với chị **L**. Nay ly hôn, giao cháu **Trần Xuân H1** cho chị **Châu Thị L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trần Xuân H** cấp dưỡng nuôi cháu **H1** mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **H1** đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự,

trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Châu Thị L** và anh **Trần Xuân H** không có tài sản chung và không có nợ chung.

3. Về án phí:

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Là 150.000 đồng. Chị **Châu Thị L** và anh **Trần Xuân H**, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị **L** và anh **H** thỏa thuận chị **L** chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị **L** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001233 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả lại cho chị **L** số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trần Xuân H** phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND xã H, thành phố Huế;
- (ĐKKH số 122, ngày 07/02/2020)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung